

## ĐỀ THI THỬ CUỐI KỲ

**MÔN:** *Xác suất thống kê (Trình độ Đại học)*

Mã đề: **209** Thời gian làm bài: **75** phút. Lớp/nhóm: **ĐHCQ**

Lưu ý: Sử dụng tài liệu khi làm bài thi:  Được.  Không được

Các em sắp xếp thời gian để thi thử rồi  
tự chấm điểm, sau đó gửi thầy kết quả và  
nhận xét nhé!

**DƯƠNG HOÀNG KIỆT**

ĐT 0906 990 375

Mail kiettamgiang@yahoo.com

**Câu 1:** Để điều tra sự hài lòng của sinh viên về các môn Toán ứng dụng trong Trường, mẫu cần lấy trong tập hợp các sinh viên đang học

- A. Bậc cao đẳng hoặc bậc đại học chính qui  
B. Bậc cao đẳng hoặc bậc đại học  
C. Tất cả các ngành và các bậc học  
D. Bậc cao đẳng hoặc bậc đại học liên thông

**Câu 2:** Khảo sát 179 sinh viên thì tổng thu trung bình hàng tháng là 2,18 triệu đồng với độ lệch tiêu chuẩn mẫu hiệu chỉnh là 0,64 triệu. Tìm tổng thu trung bình hàng tháng của sinh viên với mức ý nghĩa 7%

- A. [2,093; 2,267]      B. [2,101; 2,259]      C. [2,057; 2,303]      D. [2,086; 2,274]

**Câu 3:** Giả sử  $X \in N(\mu, 1)$ . Lấy mẫu với  $n = 16$  ta tính được  $\bar{X} = 10,1$ . Hãy kiểm định giả thuyết  $H_0 : \mu = 10,5$  với mức ý nghĩa 5%

- A. Chắc chắn  $\mu < 10,5$       B. Chấp nhận  $H_0$       C. Bác bỏ  $H_0$       D. Chắc chắn  $\mu \neq 10,5$

**Câu 4:** Thống kê 150 bài thi giữa kỳ Xác suất thống kê ta có tổng số điểm tính được là 1074 điểm. Có thể khẳng định điểm trung bình của kỳ thi giữa kỳ môn này là

- A. Trên 7,16 điểm      B. Khoảng 7,16 điểm      C. 7,16 điểm      D. Dưới 7,16 điểm

**Câu 5:** Khi kiểm định giả thuyết  $H_0 : \mu = \mu_0$ , tiến hành lấy mẫu và ta có  $|\bar{X} - \mu_0| > K > 0$ . Hãy chọn khẳng định đúng nhất

- A. Bác bỏ giả thuyết  $H_0$       B.  $\mu_0 \neq \bar{X}$  thật sự có ý nghĩa (thống kê)  
C.  $\mu_0 \neq \bar{X}$  không rõ ràng (ngẫu nhiên)      D. Chấp nhận giả thuyết  $H_0$

**Câu 6:** Biết  $\bar{X} = 45,1; \bar{Y} = 3,56; S_X = 11,785; S_Y = 0,833; r_{XY} = 0,9729$ . Viết phương trình hồi qui tuyến tính của Y theo X

- A.  $y = 0,0599x - 0,9729$       B.  $y = 0,0688x - 0,4571$   
C.  $y = 0,0599x + 0,9729$       D.  $y = 0,0688x + 0,4571$

**Câu 7:** Chiều cao trung bình của 24 trẻ em 2 tuổi là 81,1cm với  $S = 3,11$ cm. Chiều cao chuẩn của trẻ em 2 tuổi trong vùng là 86,5cm. Với mức ý nghĩa 1% có sự khác biệt đáng kể của chiều cao nhóm trẻ so với chuẩn không

- A. Không có sự khác biệt đáng kể      B. Có sự khác biệt đáng kể  
C. Chiều cao của nhóm trẻ thấp hơn chuẩn      D. Chiều cao của nhóm trẻ cao hơn chuẩn

**Câu 8:** Thiết kế kỹ thuật đường kính của một loại bánh kem do máy A làm ra là 30cm. Sau một thời gian sản xuất người ta nghi ngờ sự chính xác của máy A nên đo thử 81 bánh kem thì đường kính trung bình là 30,5cm và  $S = 1$ cm. Hãy kiểm định sự nghi ngờ trên ở mức 5%

- A. Đường kính bánh kem tăng lên rõ ràng      B. Đường kính bánh kem tăng không đáng kể  
C. Máy A vẫn còn chính xác      D. Máy A không còn chính xác

**Câu 9:** Biết  $\bar{X} = 85; \overline{X^2} = 7750; \bar{Y} = 4,5; \overline{Y^2} = 28; \overline{XY} = 321,25$ . Khi đó đường hồi qui tuyến tính của Y theo X có dạng

- A.  $y = 0,117x - 14,417$       B.  $y = -0,117x + 14,417$   
C.  $y = -0,117x - 14,417$       D.  $y = 0,117x + 14,417$

**Câu 10:** Nếu muốn độ chính xác tỉ lệ sinh viên ở trọ không quá 5% với độ tin cậy 95%, ta cần tiến hành điều tra ít nhất bao nhiêu sinh viên

- A. 385 sinh viên      B. 330 sinh viên      C. 125 sinh viên      D. 666 sinh viên

**Câu 11:** Quan sát ngẫu nhiên 400 trẻ sơ sinh, ta thấy có 218 bé trai. Với mức ý nghĩa 5%, có thể khẳng định tỉ lệ sinh con trai và gái có như nhau không

A. Tỷ lệ sinh con trai và gái là khác nhau

B. Tỷ lệ sinh con trai và gái có như nhau

C. Tỷ lệ sinh con trai lớn hơn gái

D. Tỷ lệ sinh con trai nhỏ hơn gái

**Câu 12:** Khảo sát về thu nhập của một số người làm việc ở một công ty, người ta thu được số liệu sau (đơn vị: triệu đồng/năm) 120; 140; 80; 100; 160; 110; 120; 140; 130; 170; 130; 160; 120; 100; 130; 140; 150; 140; 140; 130; 130;

Với độ tin cậy 95%, độ chính xác khi ước lượng thu nhập trung bình của công ty là

A. 9,221 triệu đồng/năm

B. 11,893 triệu đồng/năm

C. 9,813 triệu đồng/năm

D. 12,137 triệu đồng/năm

**Câu 13:** Tìm kích thước mẫu tối thiểu phải điều tra thêm để xác định chiều cao trung bình sinh viên trong trường với độ tin cậy 5% và độ chính xác không quá 1cm, biết rằng điều tra 100 sinh viên của năm trước thì độ lệch chuẩn hiệu chỉnh là 7,4cm

A. 311 sinh viên

B. 111 sinh viên

C. 211 sinh viên

D. 11 sinh viên

**Câu 14:** Biết  $\bar{X} = 85$ ;  $\overline{X^2} = 7750$ ;  $\bar{Y} = 4,411$ ;  $\overline{Y^2} = 26,513$ ;  $\overline{XY} = 323$ . Khi đó hệ số tương quan giữa X và Y tính được là

A. -0,8533

B. 0,8533

C. 0,7281

D. -0,7281

**Câu 15:** Khẳng định nào dưới đây là đường hồi qui tuyến tính của Y theo X

A.  $y = a(x - \bar{X}) - \bar{Y}$

B.  $y = a(x + \bar{X}) + \bar{Y}$

C.  $y = a(x - \bar{X}) + \bar{Y}$

D.  $y = a(x + \bar{X}) - \bar{Y}$

**Câu 16:** Cho biết ý nghĩa của  $r_{XY} = 0,9217$

A. X, Y tương quan thuận chặt chẽ

B. X, Y tương quan nghịch chặt chẽ

C. X, Y tương quan nghịch lỏng lẻo

D. X, Y tương quan thuận lỏng lẻo

**Câu 17:** Đo chiều cao X (cm) của 9 sinh viên, ta được kết quả: 152; 167; 159; 171; 162; 158; 156; 165 và 166.

Tính  $\bar{X}$  (trung bình mẫu)

A. 160 (cm)

B. 162 (cm)

C. 161,5 (cm)

D. 163,222 (cm)

**Câu 18:** Báo cáo của TT ngoại ngữ cho rằng 60% sinh viên năm 3 có bằng B tiếng Anh. Điều tra ngẫu nhiên 200 sinh viên năm 3, chỉ có 95 sinh viên có bằng B này. Với mức ý nghĩa 5%, báo cáo trên có đáng tin cậy không

A. Không đáng tin cậy

B. Đáng tin cậy

C. Không thể kết luận

D. Cần bổ sung thêm một số quả nữa

**Câu 19:** Khảo sát về thu nhập của một số người làm việc ở một công ty, người ta thu được số liệu sau (đơn vị: triệu đồng/năm) 120; 140; 80; 100; 160; 110; 120; 140; 130; 170; 130; 160; 120; 100; 130; 140; 150; 140; 140; 130; 130;

Thu nhập bình quân của công ty là

A. Trên 130,476 triệu đồng/năm

B. Khoảng 130,476 triệu đồng/năm

C. Dưới 130,476 triệu đồng/năm

D. 130,476 triệu đồng/năm

**Câu 20:** Điều tra 260 sinh viên thì có đến 179 sinh viên phải thuê nhà trọ. Nếu muốn độ chính xác tỷ lệ sinh viên ở trọ không quá 5% với độ tin cậy 95%, ta cần tiến hành điều tra ít nhất bao nhiêu sinh viên

A. 572 sinh viên

B. 330 sinh viên

C. 312 sinh viên

D. 70 sinh viên

**Câu 21:** Khảo sát về thu nhập của một số người làm việc ở một công ty, người ta thu được số liệu sau (đơn vị: triệu đồng/năm) 120; 140; 80; 100; 160; 110; 120; 140; 130; 170; 130; 160; 120; 100; 130; 140; 150; 140; 140; 130; 130;

Với độ tin cậy 98%, thu nhập bình quân tối đa của công ty là

A. 142,614 triệu đồng/năm

B. 139,697 triệu đồng/năm

C. 142,369 triệu đồng/năm

D. 140,290 triệu đồng/năm

**Câu 22:** Nếu muốn độ chính xác tỷ lệ sinh viên ở trọ không quá 5% và độ chính xác về thu nhập trung bình hàng tháng của sinh viên là 0,04 triệu với cùng độ tin cậy 95%, ta cần tiến hành điều tra thêm ít nhất bao nhiêu sinh viên, biết rằng trước đây đã khảo sát 260 sinh viên và độ lệch tiêu chuẩn hiệu chỉnh là 0,41 triệu

A. 144 sinh viên

B. 125 sinh viên

C. 404 sinh viên

D. 385 sinh viên

**Câu 23:** Khảo sát thu nhập 36 người trong công ty thì có đến 24 người có thu nhập ở mức trung bình. Tìm số người có mức thu nhập trung bình trong công ty với mức ý nghĩa 5%, biết rằng hiện nay công ty có 180 nhân viên

A. Khoảng 120 người

B. Tối đa 148 người

C. Từ 92 đến 148 người

D. Trên 92 người

**Câu 24:** Nếu máy móc hoạt động bình thường thì độ dài sản phẩm  $X \in N(100;1)$ . Qua một thời gian sản xuất người ta nghi ngờ độ dài sản phẩm có xu hướng tăng lên nên đo thử 100 sản phẩm thì  $\bar{X} = 100,3$ . Hãy kiểm tra sự nghi ngờ trên ở mức 5%

- A. Sự nghi ngờ trên là sai  
B. Chấp nhận  $H_0$   
C. Sự nghi ngờ trên là đúng  
D. Bác bỏ  $H_0$

**Câu 25:** Thống kê điểm của 2850 sinh viên tham gia kỳ thi giữa kỳ môn Xác suất thống kê ta nên ưu tiên sắp xếp dữ liệu theo

- A. Mẫu phân lớp  
B. Mẫu lặ  
C. Mẫu đơn  
D. Mẫu phân tầng

**Câu 26:** Xét giả thuyết  $H_0$  : “sinh viên A có điểm tổng kết môn Xác suất thống kê dưới 4”. Diễn đạt sai lầm loại 1 khi kiểm định

- A. A đạt môn Xác suất thống kê nhưng không được công nhận  
B. A không đạt nhưng vẫn cho đạt môn Xác suất thống kê  
C. A không đạt môn xác suất thống kê  
D. A đạt môn Xác suất thống kê

**Câu 27:** Theo tính toán của một nhóm kỹ sư quân sự tên lửa tầm trung mới thiết kế có tầm bắn xa trung bình 61,5km. Viện kiểm soát khí tài quân sự cho bắn thử 6 quả và thu được kết quả: 58; 60; 62; 61; 57 và 56km. Với mức ý nghĩa 5%, tính toán của nhóm kỹ sư trên có đáng tin cậy không

- A. Cần bắn thêm một số quả nữa  
B. Không đáng tin cậy  
C. Đáng tin cậy  
D. Không thể kết luận

**Câu 28:** Trước cuộc bầu cử ứng cử viên A tuyên bố sẽ được 55% cử tri ủng hộ. Thăm dò ý kiến của 200 cử tri thì có 102 người cho biết sẽ bỏ phiếu cho

- A. Với mức ý nghĩa 5%, hãy kiểm tra dự đoán của A  
a. A dự đoán đáng tin cậy  
B. A dự đoán không đáng tin cậy  
C. Không thể kết luận  
D. Cần bắn thêm một số quả nữa

**Câu 29:** Biết  $\bar{X} = 85$ ;  $\bar{X}^2 = 7750$ ;  $\bar{Y} = 4,411$ ;  $\bar{Y}^2 = 27$ ;  $\bar{XY} = 430$ . Khi đó chọn khẳng định đúng nhất

- A. X, Y có tương quan tuyến tính thuận, lỏng lẻo  
B. X, Y có tương quan tuyến tính nghịch, lỏng lẻo  
C. X, Y có tương quan tuyến tính nghịch, chặt chẽ  
D. X, Y có tương quan tuyến tính thuận, chặt chẽ

**Câu 30:** Đo chiều cao X (cm) của 9 sinh viên, ta được kết quả: 152; 167; 159; 171; 162; 158; 156; 165 và 166.

Tính  $s_X^2$  (phương sai mẫu)

- A. 5,731 (cm)  
B. 32,84 (cm<sup>2</sup>)  
C. 36,944 (cm<sup>2</sup>)  
D. 6,708 (cm)

**Câu 31:** Cho biết ý nghĩa của  $r_{XY} = -0,56$

- A. X, Y tương quan nghịch chặt chẽ  
B. X, Y tương quan thuận lỏng lẻo  
C. X, Y tương quan thuận chặt chẽ  
D. X, Y tương quan nghịch lỏng lẻo

**Câu 32:** Thống kê 200 bài thi giữa kỳ Xác suất thống kê ta có tổng số điểm tính được là 1444 điểm, độ lệch chuẩn hiệu chỉnh là 6,145 điểm. Tính độ chính xác khi ước lượng khoảng tin cậy của điểm trung bình kỳ thi giữa kỳ của môn này với độ tin cậy 95%

- A. 1,130 điểm  
B. 0,857 điểm  
C. 1,486 điểm  
D. 1,129 điểm

**Câu 33:** Kiểm định giả thuyết  $H_0 : \mu =$  điểm trung bình môn Xác suất thống kê là 7,0 điểm. Khi tổng kết môn học, ta tính được điểm trung bình là 7,16 điểm và chấp nhận giả thuyết  $H_0$  ở mức ý nghĩa 5%. Hãy chọn khẳng định phù hợp nhất

- A. Điểm trung bình môn học cao hơn 7,0 điểm  
B. Điểm trung bình môn học thấp hơn 7,0 điểm  
C. Điểm trung bình môn học vẫn là 7,0 điểm  
D. Điểm trung bình môn học không phải là 7,0 điểm

**Câu 34:** Để điều tra sự hài lòng của sinh viên về hoạt động của Thư viện Trường, đám đông cần xác định là

- A. Sinh viên của Khoa Công nghệ Thực phẩm  
B. Sinh viên Đại học chính qui  
C. Sinh viên thường đến thư viện  
D. Sinh viên trong toàn trường

**Câu 35:** Đo chiều cao X (cm) của 9 sinh viên, ta được kết quả: 152; 167; 159; 171; 162; 158; 156; 165 và 166.

Tính S (độ lệch mẫu hiệu chỉnh)

- A. 36,944 (cm<sup>2</sup>)  
B. 5,731 (cm)  
C. 32,84 (cm<sup>2</sup>)  
D. 6,708 (cm)

**Câu 36:** Khẳng định nào dưới đây là đường hồi qui tuyến tính của Y theo X

A.  $\frac{y - \bar{Y}}{S_Y} = r_{XY} \frac{x - \bar{X}}{S_X}$       B.  $\frac{y - \bar{Y}}{S_X} = r_{XY} \frac{x - \bar{X}}{S_Y}$       C.  $r_{XY} \frac{y - \bar{Y}}{S_Y} = \frac{x - \bar{X}}{S_X}$       D.  $r_{XY} \frac{y - \bar{Y}}{S_X} = \frac{x - \bar{X}}{S_Y}$

**Câu 37:** Đo chiều cao X (cm) của 9 sinh viên, ta được kết quả: 152; 167; 159; 171; 162; 158; 156; 165 và 166.

Tính  $p_n$  (tỉ lệ sinh viên cao trên kỳ vọng)

- A. 55,56%      B. 66,67%      C. 44,44%      D. 33,33%

**Câu 38:** Thăm dò 150 sinh viên thì có 27 sinh viên mong muốn cắm trại qua đêm dịp 26/3. Ước lượng số sinh viên sẽ tham gia cắm trại qua đêm trong dịp này với độ tin cậy 90%, biết rằng số sinh viên đang học tại trường hiện này là 26000

- A. Từ 1933 đến 7427 sinh viên      B. Khoảng 4680 sinh viên  
C. Từ 1417 đến 7944 sinh viên      D. Tối đa 8976 sinh viên

**Câu 39:** Phòng công tác chính trị sinh viên đặt ra mục tiêu chất lượng năm 2012 là “tỉ lệ sinh viên qui phạm nội qui là 2%”. Cuối năm, trong 1000 trường hợp ghi nhận thấy có tới 25 sinh viên qui phạm. Với mức ý nghĩa 5%, mục tiêu chất lượng trên có phù hợp không

- A. Tỉ lệ vi phạm thực tế nhỏ hơn 2%      B. Phù hợp thực tế  
C. Tỉ lệ vi phạm thực tế lớn hơn 2%      D. Không phù hợp thực tế

**Câu 40:** Thống kê 200 bài thi giữa kỳ Xác suất thống kê ta có tổng số điểm tính được là 1444 điểm, độ lệch chuẩn hiệu chỉnh là 6,145 điểm. Tính điểm trung bình tối thiểu kỳ thi giữa kỳ của môn này với độ tin cậy 99%

- A. 6,090 điểm      B. 6,091 điểm      C. 6,363 điểm      D. 5,734 điểm

----- HẾT -----

*Chú ý: Cán bộ coi thi không giải thích đề thi*

**ĐÁP ÁN Mã đề: 209**

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				